

**Phụ lục 5**

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 5  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG  
NGUỒN NHÂN LỰC**

**1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 42,8% tổng số vốn của tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hoá dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h

9	Mỗi công trình phụ trợ khác (Sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động	450	l	450 x l
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

### 1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 93,4% tổng số vốn của tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xoá mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xoá mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

## 2. Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng số vốn của tiểu dự án (Ban Dân tộc không quá 34%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 15 %, Sở Nội vụ không quá 21%, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh không quá 15%, Công an tỉnh không quá 15%).

- Phân bổ vốn cho các địa phương; Không.

Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học:

- Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: Không quá 9,8% tổng số vốn của tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi sinh viên được đào tạo đại học thuộc xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1,6	a	1,6 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng sinh viên được đào tạo đại học (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các địa phương.

Số lượng sinh viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế, được tổng hợp trong Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa tự cân đối được ngân sách.

### **3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Không quá 2,5% tổng số vốn của tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung	Số điểm	Số lượng	Tổng điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a

<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>
-----------------------	--	--	------------------------

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các địa phương.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế, được tổng hợp trong Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

#### **4. Tiêu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

4.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 75% tổng số vốn của tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (Xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>Xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III ( <i>Số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III</i> )	1,5	b	1,5 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.